

Số: /KH-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình Trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Thực hiện Nghị quyết số 178/NQ-CP của Chính phủ ngày 12/12/2020 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2020. Trong đó, giao Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng chương trình, đề án cụ thể triển khai chủ trương trồng 01 tỷ cây xanh trong 5 năm tới;

Căn cứ Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức phong trào “Tết trồng cây” và tăng cường công tác bảo vệ, phát triển rừng xuân Tân Sửu năm 2021;

Căn cứ Văn bản số 50/BNN-TCLN ngày 06/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thực hiện Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức phong trào “Tết trồng cây” và tăng cường công tác bảo vệ, phát triển rừng xuân Tân Sửu năm 2021. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp chính quyền, cộng đồng dân cư và người dân đối với công tác phát triển rừng và trồng cây xanh; phát triển cây xanh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; qua đó thấy rõ được vai trò của cây xanh đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu.

b) Thu hút mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế, lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế xã hội để thực hiện kế hoạch trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

Đến hết năm 2025, toàn tỉnh trồng mới được 10.170,55 ha cây xanh trở lên (tương đương với 11.027.403 cây); trong đó, cây xanh trồng phân tán ở các khu đô thị và vùng nông thôn khoảng 9.115.500 cây; cây xanh trồng tập trung trong rừng phòng hộ, rừng sản xuất khoảng 1.911.903 cây, nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, cải thiện cảnh quan và ứng phó với biến đổi khí hậu góp phần

phát triển kinh tế xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và sự phát triển bền vững của đất nước.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Khối lượng thực hiện

Tổng số diện tích trồng cây xanh: 10.170,55 ha, khoảng 11.027.403 cây.

Trong đó:

- a) Trồng cây phân tán: 9.115,50 ha, khoảng 9.115.500 cây.
- b) Trồng rừng tập trung: 1.055,05 ha; trong đó:
 - Trồng mới rừng phòng hộ: 372,55 ha, khoảng 546.903 cây.
 - Trồng mới rừng sản xuất: 682,50 ha, khoảng 1.365.000 cây.

2. Tiến độ thực hiện

- a) Năm 2021: Trồng 2.078,42 ha; trong đó:
 - Trồng cây phân tán: 1.840,41 ha.
 - Trồng rừng tập trung: 238,01 ha.
- b) Năm 2022: Trồng 2.113,55 ha; trong đó:
 - Trồng cây phân tán: 1.895,54 ha.
 - Trồng rừng tập trung: 218,01 ha.
- c) Năm 2023: Trồng 2.048,50 ha; trong đó:
 - Trồng cây phân tán: 1.835,49 ha.
 - Trồng rừng tập trung: 213,01 ha.
- d) Năm 2024: Trồng 2.017,72 ha; trong đó:
 - Trồng cây phân tán: 1.824,71 ha.
 - Trồng rừng tập trung: 193,01 ha.
- đ) Năm 2025: Trồng 1.912,36 ha; trong đó:
 - Trồng cây phân tán: 1.719,35 ha.
 - Trồng rừng tập trung: 193,01 ha.

3. Hình thức thực hiện

Thực hiện trồng cây xanh phân tán (bao gồm cây xanh đô thị và cây lâm nghiệp trồng phân tán) và một phần diện tích trồng rừng tập trung (gồm trồng mới rừng phòng hộ, rừng sản xuất; không tính diện tích trồng rừng thay thế và trồng lại rừng sau khai thác), trong đó:

- a) Trồng cây xanh phân tán, gồm:
 - Cây xanh đô thị:

+ Cây xanh sử dụng công cộng (đường phố, công viên, vườn hoa, quảng trường và các khu vực công cộng khác trong đô thị).

+ Cây xanh sử dụng hạn chế (khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nghĩa trang, các công trình tín ngưỡng, biệt thự, nhà ở và các công trình công cộng khác do các tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng).

- Cây xanh nông thôn: Cây lâm nghiệp được trồng trên diện tích đất vườn, đất ven đường, ven kênh mương, bờ đê; khu văn hóa lịch sử, tôn giáo, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các mảnh đất nhỏ phân tán khác.

b) Trồng cây xanh tập trung, gồm:

- Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn: Trồng các loài cây bản địa như Sao đen, Lim xanh.

- Trồng rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay: Trồng các loài cây như Phi lao; rừng ngập mặn loài cây trồng như Bần Trắng, Mắm trắng.

- Trồng mới rừng sản xuất: Trồng mới rừng gỗ lớn, trồng các loại keo lai, keo lá tràm ưu tiên cây được sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô.

4. Giải pháp thực hiện

a) Rà soát quỹ đất, xây dựng kế hoạch:

- Các địa phương tổ chức rà soát quy hoạch sử dụng đất, trong đó xác định quỹ đất trồng mới rừng phòng hộ, đất trồng mới rừng sản xuất (nhất là trồng rừng gỗ lớn); đất quy hoạch trồng cây xanh đô thị, khu dân cư, công sở, đường giao thông; đất có thể trồng cây xanh nông thôn,...; xây dựng kế hoạch trồng rừng, trồng cây xanh phân tán hàng năm và cả giai đoạn 2021-2025 để huy động nguồn vốn.

- Đảm bảo diện tích đất đai thuộc các đối tượng trồng cây phân tán phải có chủ quản lý cụ thể, rõ ràng. Quỹ đất dự kiến trồng rừng, trồng cây phân tán phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh, của địa phương và không tranh chấp.

- Đất đưa vào xây dựng kế hoạch trồng rừng phải là đất chưa có rừng, đảm bảo theo đúng đối tượng được quy định tại khoản 1, Điều 10 và khoản 1, Điều 11 của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh.

b) Về cây giống:

Căn cứ kế hoạch trồng cây hàng năm, các địa phương chủ động có kế hoạch gieo ươm, chuẩn bị đủ số lượng cây giống có chất lượng với loài cây và tiêu chuẩn cây trồng phù hợp các tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật cụ thể.

- Cây xanh trồng phân tán: Loài cây trồng chủ yếu là các loài cây bản địa, cây cảnh quan, có tán đẹp như Sao đen, Ô sa ca, Bàng, Bàng Đài Loan, Dầu rái, Long nhãn, Xà cừ, Lim xẹt...

- Trồng rừng tập trung: Tiêu chuẩn cây giống trồng rừng, thực hiện đầy đủ các quy định giám sát chất lượng quy định tại Thông tư số 30/2018/TT-

BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính. Tiêu chuẩn cây giống phải đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia về cây giống đã được ban hành; chọn giống cây trồng có năng suất cao, sức chống chịu tốt, thích ứng với biến đổi khí hậu, ưu tiên chọn cây bản địa, cây thân gỗ, cây lâu năm, cây đa mục đích.

c) Về kỹ thuật:

- Trồng cây xanh phân tán:

+ Khu vực đô thị: Lựa chọn loài cây và tiêu chuẩn cây trồng phù hợp với mục đích cảnh quan và điều kiện sinh thái gây trồng của từng địa phương, từng khu vực cụ thể. Tổ chức trồng, chăm sóc cây theo quy trình trồng cây xanh đô thị và áp dụng thâm canh cao để cây đạt tỷ lệ sống cao, sinh trưởng, phát triển tốt, sớm phát huy tác dụng, cảnh quan.

+ Khu vực nông thôn: Lựa chọn loài cây trồng phù hợp với điều kiện lập địa, tập quán canh tác; ưu tiên trồng cây bản địa lâu năm, cây gỗ lớn, trồng cây đa mục đích.

- Trồng mới rừng tập trung:

+ Đối với rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới, rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư: Trồng rừng ở nơi đất trống, không có khả năng tái sinh tự nhiên thành rừng; trồng hỗn giao nhiều loài cây bản địa, loài cây đa tác dụng, cây lâm sản ngoài gỗ.

+ Đối với rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển: Thiết lập đai rừng phù hợp với điều kiện tự nhiên ở từng vùng; áp dụng biện pháp trồng rừng bằng loài cây có bộ rễ sâu bám chắc, ưu tiên cây bản địa, sinh trưởng được trong điều kiện khắc nghiệt và có khả năng chống chịu tốt.

+ Đối với rừng sản xuất: Hình thành vùng rừng trồng tập trung, áp dụng công nghệ sinh học hiện đại và kỹ thuật thâm canh rừng để nâng cao năng suất rừng trồng, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lâm sản. Khuyến khích sử dụng các loài cây bản địa; trồng rừng hỗn loài, kết hợp trồng cây gỗ nhỏ mọc nhanh và cây gỗ lớn dài ngày; chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn ở những nơi nó điều kiện thích hợp.

- Tổ chức trồng, chăm sóc rừng và cây xanh theo tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật cụ thể của từng loài cây.

d) Về huy động nguồn lực:

Tăng cường huy động mọi nguồn lực xã hội, thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn triển khai trồng và bảo vệ cây xanh, trong đó:

- Tăng cường huy động vốn từ xã hội hóa, vốn đóng góp hợp pháp của các doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân.

- Kêu gọi các nhà tài trợ đầu tư cho bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ,

trồng cây xanh.

- Kết hợp thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư công của nhà nước giai đoạn 2021-2025.

- Tích cực huy động nguồn lực về lao động, sự tình nguyện tham gia của các tổ chức, đoàn thể, quần chúng, các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh.

đ) Tuyên truyền, giáo dục nâng cao năng lực, nhận thức:

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về vai trò, tác dụng của rừng và cây xanh trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, cung cấp giá trị kinh tế, xã hội.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ”.

- Phổ biến giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành, chủ rừng và toàn xã hội trong việc bảo vệ và phát triển rừng, trồng cây xanh.

- Tiếp tục xây dựng các tài liệu tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng phòng hộ và trồng, chăm sóc cây xanh đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Phát động phong trào thi đua như “Ngày Chủ Nhật xanh”, “Ngày Chủ Nhật nông thôn mới”, “Màu xanh cho tương lai”... để kêu gọi, vận động toàn dân tham gia trồng cây, trồng rừng, tạo nên phong trào thường xuyên, liên tục, hiệu quả trong toàn xã hội. Đưa nhiệm vụ trồng cây trở thành phong trào thi đua của các cấp, các ngành và mọi người dân.

5. Nguồn vốn

a) Trồng cây phân tán: Từ nguồn vốn hỗ trợ Nhà nước; nguồn vốn của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và nguồn vốn khác.

b) Trồng mới rừng phòng hộ: Ngân sách Nhà nước.

c) Trồng mới rừng sản xuất: Từ nguồn vốn của các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân và nguồn vốn khác.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

a) Tham mưu, chỉ đạo triển khai trồng cây xanh tập trung trong rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng gỗ lớn và trồng cây lâm nghiệp phân tán vùng nông thôn.

b) Chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung, giải pháp, công tác triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn tỉnh và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tiến độ thực hiện kế hoạch. Tham mưu đề xuất UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Sở Tài Chính

Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ thực hiện kế hoạch trồng cây xanh phân tán và trồng rừng tập trung theo đúng quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, hướng dẫn các địa phương rà soát quy hoạch sử dụng đất bảo đảm ổn định, lâu dài, đúng mục đích; dành quỹ đất đủ lớn cho phát triển cây xanh, bảo đảm các tiêu chuẩn diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng theo quy định.

b) Đưa chỉ tiêu cây xanh vào theo dõi, quan trắc, báo cáo môi trường hàng năm.

4. Sở Xây dựng

Chủ trì, hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện đúng quy hoạch xây dựng, bảo đảm không gian quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, diện tích đất cho phát triển cây xanh sử dụng công cộng theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia và các quy định hiện hành.

5. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, hướng dẫn các địa phương thực hiện các dự án phát triển giao thông gắn với trồng cây xanh; bảo đảm phần lớn đường giao thông đô thị và nông thôn được trồng cây xanh bóng mát, tạo cảnh quan theo các tiêu chuẩn, quy định hiện hành.

6. Các Sở, ngành khác có liên quan: Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp các Sở ngành, địa phương tổ chức thực hiện kế hoạch.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Chủ động có kế hoạch tổ chức duy trì và thực hiện có hiệu quả phong trào “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” hàng năm.

b) Tổ chức rà soát quy hoạch sử dụng đất, trong đó xác định quỹ đất trồng rừng phòng hộ, đất trồng mới rừng sản xuất nhất là trồng rừng gỗ lớn; đất quy hoạch trồng cây xanh đô thị, đất phát triển trồng cây xanh phân tán vùng nông thôn; xây dựng kế hoạch trồng rừng, trồng cây xanh phân tán hàng năm và cả giai đoạn 2021-2025.

c) Kêu gọi, huy động các tổ chức, doanh nghiệp tham gia, chung tay đóng góp thực hiện trồng cây xanh vì cộng đồng,....

d) Chủ động chuẩn bị đủ cây giống có chất lượng với loài cây và tiêu chuẩn cây trồng phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật cụ thể theo kế hoạch được duyệt.

đ) Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch phát triển cây xanh trên địa bàn. Giao chỉ tiêu kế hoạch trồng cây hàng năm cho các xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị và từng khu dân cư.

e) Tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, trường học, lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia trồng cây, trồng rừng.

g) Tổ chức kiểm tra, chỉ đạo, giám sát, phân công trách nhiệm cho các địa phương, tổ chức, đoàn thể trong quá trình trồng, chăm sóc, bảo vệ, quản lý rừng và cây xanh.

h) Hàng năm tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc, biểu dương khen thưởng, nhân rộng điển hình những tổ chức, cá nhân làm tốt; đồng thời, xử lý nghiêm các hành vi phá hoại rừng, cây xanh.

8. Các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể

a) Phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, đoàn thể trong tuyên truyền, vận động thành viên tổ chức tham gia trồng cây, trồng rừng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ cây xanh.

b) Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng về mục đích, ý nghĩa của việc trồng và bảo vệ rừng, cây xanh; động viên, khuyến khích, kêu gọi toàn dân tham gia trồng cây, trồng rừng, tạo nên phong trào thường xuyên, liên tục, hiệu quả trong toàn xã hội.

c) Vận động, hướng dẫn quần chúng, nhân dân ký cam kết về bảo vệ rừng, bảo vệ cây xanh môi trường.

d) Huy động nguồn vốn trong các tổ chức, doanh nghiệp; quyên góp của các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng cho phát triển cây xanh.

đ) Triển khai các hoạt động tình nguyện tham gia trồng, chăm sóc bảo vệ cây xanh; bảo vệ rừng.

9. Các cơ quan truyền thông

Tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin, đại chúng về vai trò, tác dụng của rừng và cây xanh trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, cung cấp các giá trị về kinh tế và xã hội.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, hội, đoàn thể và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- CT UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- Các Sở: NNPTNT, TC, TNMT, XD, GTVT;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Hội: ND, CCB, LHPN;
- Báo Bình Định;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (26b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục I:
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH TRỒNG CÂY XANH GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày/...../2021 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: ha

STT	Nội dung	Tổng cộng	Huyện										
			An Lão	Hoài Ân	Hoài Nhơn	Phù Cát	Phù Mỹ	An Nhơn	Tây Sơn	Vĩnh Thạnh	Tuy Phước	Tp.Quy Nhơn	Vân Canh
Tổng cộng		10.170,55	3.000,00	511,00	1.674,75	785,28	640,00	448,50	822,82	348,60	750,00	352,00	837,60
I	Trồng cây phân tán	9.115,50	3.000,00	511,00	809,70	725,28	640,00	448,50	792,82	348,60	750,00	252,00	837,60
<i>1</i>	<i>Khu vực đô thị, khu công nghiệp, trường học</i>	<i>2.766,46</i>	<i>210,00</i>	<i>210,00</i>	<i>653,70</i>	<i>297,28</i>	<i>280,00</i>	<i>164,46</i>	<i>267,82</i>	<i>109,20</i>	<i>250,00</i>	<i>252,00</i>	<i>72,00</i>
1.1	Cây xanh sử dụng công cộng (quảng trường, công viên, vườn hoa,...); cây xanh cảnh quan ven sông, hồ,...)	664,18	0,00	84,00	270,00	0,00	8,00	88,68	17,50	0,00	125,00	47,00	24,00
1.2	Cây xanh đường phố	976,04	20,00	42,00	315,54	0,00	80,00	54,00	129,50	84,00	50,00	185,00	16,00
1.3	Cây xanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khuôn viên công sở, nhà máy, doanh trại,...	1.058,08	190,00	56,00	48,00	297,28	192,00	21,78	120,82	25,20	75,00	0,00	32,00
1.4	Cây xanh chuyên dụng khác	68,16	0,00	28,00	20,16	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	20,00	0,00
2	Khu vực nông thôn	6.349,04	2.790,00	301,00	156,00	428,00	360,00	284,04	525,00	239,40	500,00	0,00	765,60
2.1	Diện tích đất vườn, nương rẫy, trang trại, đất nông lâm kết hợp, đất trồng cây công nghiệp cần trồng cây phân tán che bóng..	4.062,00	2.790,00	49,00	57,00	0,00	0,00	42,00	210,00	0,00	400,00	0,00	514,00
2.2	Đất ven đường giao thông nông thôn, ven sông, hồ, kênh mương,	1.650,84	0,00	168,00	54,00	428,00	360,00	126,84	105,00	239,40	50,00	0,00	119,60
2.3	Đất bờ vùng, bờ đồng, các mảnh đất nhỏ phân tán khác có diện tích dưới 0,3 ha.	636,20	0,00	84,00	45,00	0,00	0,00	115,20	210,00	0,00	50,00	0,00	132,00
II	Dự kiến diện tích trồng rừng phòng hộ và trồng mới rừng sản xuất	1.055,05	0,00	0,00	865,05	60,00	0,00	0,00	30,00	0,00	0,00	100,00	0,00
1	Trồng rừng phòng hộ	372,55			182,55	60,00			30,00			100,00	
2	Trồng mới rừng sản xuất	682,50			682,50								

*Ghi chú: Đối với cây xanh trồng phân tán quy đổi 1.000 cây= 01ha.
 Đối với trồng rừng tập trung: không bao gồm trồng rừng thay thế và trồng lại rừng sản xuất (trồng tái canh sau khai thác gỗ).*

Phụ lục II
TIẾN ĐỘ TRỒNG CÂY XANH GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Kế hoạch số...../KH-UBND ngày/...../2021 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: ha

TT	Huyện	Tổng	Năm																			
			2021				2022				2023				2024				2025			
			Trồng cây phân tán		Trồng rừng tập trung		Trồng cây phân tán		Trồng rừng tập trung		Trồng cây phân tán		Trồng rừng tập trung		Trồng cây phân tán		Trồng rừng tập trung		Trồng cây phân tán		Trồng rừng tập trung	
			Khu vực đô thị	Khu vực nông thôn	Trồng rừng PH	Trồng rừng SX	Khu vực đô thị	Khu vực nông thôn	Trồng rừng PH	Trồng rừng SX	Khu vực đô thị	Khu vực nông thôn	Trồng rừng PH	Trồng rừng SX	Khu vực đô thị	Khu vực nông thôn	Trồng rừng PH	Trồng rừng SX	Khu vực đô thị	Khu vực nông thôn	Trồng rừng PH	Trồng rừng SX
Tổng cộng		10.170,55	549,49	1.290,92	101,51	136,50	565,82	1.329,72	81,51	136,50	559,97	1.275,52	76,51	136,50	565,29	1.259,42	56,51	136,50	525,89	1.193,46	56,51	136,50
1	An Lão	3.000,00	42,00	558,00	-	-	42,00	558,00	-	-	42,00	558,00	-	-	42,00	558,00	-	-	42,00	558,00	-	-
2	Hoài Ân	511,00	42,00	60,20	-	-	42,00	60,20	-	-	42,00	60,20	-	-	42,00	60,20	-	-	42,00	60,20	-	-
3	Hoài Nhơn	1.674,75	130,74	31,20	36,51	136,50	130,74	31,20	36,51	136,50	130,74	31,20	36,51	136,50	130,74	31,20	36,51	136,50	130,74	31,20	36,51	136,50
4	Phù Cát	785,28	56,00	80,00	20,00	-	64,00	120,00	20,00	-	60,00	88,00	20,00	-	64,00	80,00	-	-	53,28	60,00	-	-
5	Phù Mỹ	640,00	56,00	72,00	-	-	56,00	72,00	-	-	56,00	72,00	-	-	56,00	72,00	-	-	56,00	72,00	-	-
6	An Nhơn	448,50	39,00	60,00	-	-	42,78	84,00	-	-	28,68	66,00	-	-	30,00	60,00	-	-	24,00	14,04	-	-
7	Tây Sơn	822,82	43,75	105,00	25,00	-	52,50	105,00	5,00	-	64,75	105,00	-	-	64,75	105,00	-	-	42,07	105,00	-	-
8	Vinh Thạnh	348,60	25,20	71,40	-	-	21,00	46,20	-	-	21,00	42,00	-	-	21,00	39,90	-	-	21,00	39,90	-	-
9	Tuy Phước	750,00	50,00	100,00	-	-	50,00	100,00	-	-	50,00	100,00	-	-	50,00	100,00	-	-	50,00	100,00	-	-
10	Tp. Quy Nhơn	352,00	50,40	-	20,00	-	50,40	-	20,00	-	50,40	-	20,00	-	50,40	-	20,00	-	50,40	-	20,00	-
11	Vân Canh	837,60	14,40	153,12	-	-	14,40	153,12	-	-	14,40	153,12	-	-	14,40	153,12	-	-	14,40	153,12	-	-